

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Số: **47**/DAG-QHCD  
V/v: Công bố Báo cáo tài chính năm  
2021 đã được kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **31** tháng **03** năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh,

Công ty: **Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Mã chứng khoán: **DAG**

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1 CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì,  
Hà Nội

Điện thoại: 024 3793 8686 Fax: 024 3793 8181

Website: <http://dag.com.vn>

Địa chỉ: Tầng 9, tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy,  
Hà Nội

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Riêng năm 2021 đã được kiểm toán.
- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.
- Công văn giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin này đã được đăng tải trên website của công ty theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, QHCD

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 35

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 10 năm 2021. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **595.641.120.000** đồng (Năm trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vương Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Huy	(i) Ủy viên (từ nhiệm ngày 17/7/2021)
Ông Bùi Thẩm Châu	Ủy viên
Ông Ito Junichi	Ủy viên

(i) Theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐQT ngày 17/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc thông qua đơn xin từ nhiệm của thành viên HĐQT ông Nguyễn Bá Huy.

#### Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Thúy Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phạm Thế Hoàng	Ủy viên
Bà Hà Thanh Thủy	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thẩm Châu	(ii) Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 09/9/2021)

(ii) Theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐQT ngày 09/9/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc với ông Bùi Thẩm Châu.

#### Người đại diện theo pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2022 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty. Số lượng cổ phiếu dự bán chào bán tối đa là 29.782.056 cổ phiếu tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá là 297.820.560.000 đồng. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán là 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán. Tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 (nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 02 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống hàng đơn vị). Đối tượng chào bán là cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 17/01/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc thông qua việc góp vốn vào công ty con - Công ty TNHH Smart Window Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Smart Window Việt Nam sau khi góp vốn là 136 tỷ đồng, hình thức góp vốn bằng tài sản.

Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 17/01/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc thông qua việc điều chỉnh góp vốn vào công ty con - Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á. Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á sau khi điều chỉnh giảm là 68 tỷ đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**6. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**NGUYỄN BÁ HÙNG**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022





Số: 017/2022/BCKT-HT.00068

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRẦN ĐÌNH DŨNG**

**Giám đốc**

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

**NGUYỄN ĐĂNG SỸ**

**Kiểm toán viên**

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3725-2021-009-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>409.215.064.522</b>	<b>440.934.069.093</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>50.701.149.855</b>	<b>19.433.382.522</b>
1. Tiền	111		50.701.149.855	19.433.382.522
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21.600.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.600.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>246.258.660.703</b>	<b>305.620.246.805</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	8.946.820.919	54.328.004.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	117.047.382.576	54.279.010.016
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	112.550.397.393	195.644.442.887
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	7.714.059.815	1.368.789.642
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>86.460.288.874</b>	<b>115.327.497.184</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	86.460.288.874	115.327.497.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.194.965.090</b>	<b>552.942.582</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	67.631.681	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.127.333.409	437.501.559
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	-	115.441.023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>521.347.987.897</b>	<b>327.061.362.141</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>62.034.749.052</b>	<b>67.040.727.386</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	61.864.447.666	61.835.426.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	170.301.386	5.205.301.386
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.069.840.387</b>	<b>19.001.427.454</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	18.645.413.411	18.160.324.002
- Nguyên giá	222		26.521.282.656	31.632.251.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.875.869.245)	(13.471.927.105)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.10	-	203.415.572
- Nguyên giá	225		-	1.143.636.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(940.220.792)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	424.426.976	637.687.880
- Nguyên giá	228		2.190.109.854	2.190.109.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.765.682.878)	(1.552.421.974)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>10.685.684.649</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	-	10.685.684.649
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>437.533.251.336</b>	<b>230.330.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	437.533.251.336	230.330.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.710.147.122</b>	<b>3.522.652</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	2.710.147.122	3.522.652
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>930.563.052.419</b>	<b>767.995.431.234</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>275.000.639.560</b>	<b>116.863.355.808</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>272.902.953.560</b>	<b>113.993.355.808</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	4.581.383.091	4.854.454.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	13.520.214.398	1.104.052.872
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.998.166.263	895.315.554
4. Phải trả người lao động	314		316.609.172	889.311.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	2.011.862.866	318.293.342
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	107.077.091	89.738.285
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	2.642.758.363	11.257.457.812
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	235.069.373.842	86.509.380.156
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.655.508.474	8.075.350.972
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.097.686.000</b>	<b>2.870.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	109.686.000	30.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.988.000.000	2.840.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>655.562.412.859</b>	<b>651.132.075.426</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>655.562.412.859</b>	<b>651.132.075.426</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		595.641.120.000	517.950.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		595.641.120.000	517.950.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.991.921.439	7.991.921.439
5. Cổ phiếu quỹ	415		(19.840.000)	(12.930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.883.714.873	21.018.849.967
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		18.763.347.495	13.898.482.589
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.302.149.052	90.284.901.431
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(143.620.834)	36.986.857.297
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.445.769.886	53.298.044.134
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>930.563.052.419</b>	<b>767.995.431.234</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ MAI HỒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THANH THỦY

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	470.350.240.763	200.167.465.979
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		470.350.240.763	200.167.465.979
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	441.652.350.713	178.193.046.489
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.697.890.050	21.974.419.490
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.668.327.707	51.634.216.926
7 Chi phí tài chính	22	6.4	13.811.719.396	6.729.070.488
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.807.719.518	6.672.149.448
8 Chi phí bán hàng	24	6.7	3.742.977.292	5.692.331.649
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	9.236.908.584	3.318.613.344
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.574.612.485	57.868.620.935
11 Thu nhập khác	31	6.5	44.824.803	97.606.763
12 Chi phí khác	32	6.6	454.041.940	3.844.665.884
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(409.217.137)	(3.747.059.121)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.165.395.348	54.121.561.814
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.719.625.462	823.517.680
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7.445.769.886	53.298.044.134

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




NGUYỄN THỊ MAI HỒNG

ĐỖ THỊ THANH THỦY



NGUYỄN BÁ HÙNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.165.395.348	54.121.561.814
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.263.404.793	1.276.577.447
- Các khoản dự phòng	03		-	(2.489.444.951)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		34.490	6.814.231
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.444.055.730)	(48.300.029.243)
- Chi phí lãi vay	06		13.807.719.518	6.672.149.448
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.792.498.419	11.287.628.746
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(50.796.600.090)	40.828.413.596
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(63.124.975.918)	(24.732.210.289)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(31.563.461.073)	(19.296.794.527)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(45.606.926)	130.794.513
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.334.990.288)	(6.603.856.106)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(590.834.649)	(1.267.178.918)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(141.663.970.525)</b>	<b>346.797.015</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(2.750.599.732)	(7.100.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		95.049.999	909.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(225.914.755.697)	(149.171.993.200)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		253.521.805.890	87.336.567.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		237.278.202	51.631.512.926
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>25.188.778.662</b>	<b>(16.394.822.165)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	577.007.863.383	236.459.956.258
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(429.117.069.697)	(213.388.480.970)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	7.3	(147.800.000)	(188.472.727)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>147.742.993.686</b>	<b>22.883.002.561</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>31.267.801.823</b>	<b>6.834.977.411</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.433.382.522	12.598.405.111
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(34.490)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>50.701.149.855</b>	<b>19.433.382.522</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ MAI HỒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THANH THỦY

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 10 năm 2021. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **595.641.120.000** đồng (Năm trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là DAG.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Tái chế phế liệu;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 1.5 Cấu trúc tập đoàn

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Văn phòng làm việc tại: tầng 9, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 03 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (i)	Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (ii)	Lô số 36 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam (iii)	Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	100%	100%

(i) Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0101099228-002, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 7 ngày 14 tháng 12 năm 2021. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

(ii) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 0305056511, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 12 năm 2021. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng.

(iii) Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0102188015, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 12 năm 2021. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công lắp đặt cửa kính.

#### 1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 48 người (Tại ngày 01/01/2021 là 39 người).

#### 1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## 2. KỶ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

##### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### 4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### 4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty. Số năm tính khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

#### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 08 năm.

#### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.13 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### 4.14 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 4.15 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 4.16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 4.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 4.18 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.19 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.20 Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.21 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.22 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4.23 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

**4.25 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ	615.566.500	474.538.711
Tiền gửi ngân hàng	50.085.583.355	18.958.843.811
<b>Tổng</b>	<b>50.701.149.855</b>	<b>19.433.382.522</b>

**5.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	315.000.000.000	-	(*)	159.330.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	54.533.251.336	-	(*)	35.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	68.000.000.000	-	(*)	36.000.000.000	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>437.533.251.336</b>	<b>-</b>		<b>230.330.000.000</b>	<b>-</b>	

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	1.473.047.000	-
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	-	1.162.831.454
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	-	25.827.575.497
Công ty TNHH V&H Việt Nam	5.709.973.764	-
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	1.597.868.053	9.275.775.532
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Vĩnh Trường	-	17.600.423.786
Các khoản phải thu khách hàng khác	165.932.102	461.397.991
<b>Tổng</b>	<b>8.946.820.919</b>	<b>54.328.004.260</b>

b) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Vật liệu XD và Hóa chất Hoàng Nam	51.929.342.683	50.784.078.106
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	61.146.326.872	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng	1.969.465.410	1.969.465.410
Các tổ chức, cá nhân khác	2.002.247.611	1.525.466.500
<b>Tổng</b>	<b>117.047.382.576</b>	<b>54.279.010.016</b>

b) Trả trước cho người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.5 Các khoản phải thu về cho vay**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>112.550.397.393</b>	-	<b>195.644.442.887</b>	-
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (*)	5.828.069.187	-	-	-
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam (*)	106.722.328.206	-	162.375.042.579	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (*)	-	-	33.269.400.308	-
<b>Dài hạn</b>	<b>61.864.447.666</b>	-	<b>61.835.426.000</b>	-
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (**)	61.864.447.666	-	61.835.426.000	-
<b>Tổng</b>	<b>174.414.845.059</b>	-	<b>257.479.868.887</b>	-

(\*) Phải thu về cho vay ngắn hạn tại các Công ty con: Đây là các khoản phải thu liên quan đến các khoản tiền thanh toán hộ về mua bán hàng hóa, các khoản vay... được theo dõi và trình bày như khoản cho vay ngắn hạn và không có lãi suất.

(\*\*) Theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Nhựa Đông Á. Số tiền vay: 150 tỷ đồng chẵn, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2020 với lãi suất cho vay là 0%/ tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.6 Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng		-	-	-
Ký quỹ, ký cược	172.737.305	-	710.458.405	-
Dự thu lãi tiền gửi	411.603.287	-	-	-
Phải thu khác	7.129.719.223	-	658.331.237	-
- Công ty TNHH Nhựa Đông Á	6.796.351.513	-	-	-
- Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	147.395.419	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	-	-	-	-
- Các đối tượng khác	185.972.291	-	658.331.237	-
<b>Tổng</b>	<b>7.714.059.815</b>	<b>-</b>	<b>1.368.789.642</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	170.301.386	-	5.205.301.386	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	5.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	170.301.386	-	205.301.386	-
<b>Tổng</b>	<b>170.301.386</b>	<b>-</b>	<b>5.205.301.386</b>	<b>-</b>

**c) Phải thu khác là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.7 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	86.460.288.874	-	115.327.497.184	-
<b>Tổng</b>	<b>86.460.288.874</b>	<b>-</b>	<b>115.327.497.184</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2021	10.329.271.003	19.678.090.311	1.624.889.793	<b>31.632.251.107</b>
Mua trong năm	-	2.644.090.182	-	2.644.090.182
Tặng khác	-	1.143.636.364	-	1.143.636.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.999.247.982)	(899.447.015)	(8.898.694.997)
Vào ngày 31/12/2021	10.329.271.003	15.466.568.875	725.442.778	<b>26.521.282.656</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2021	-	11.857.706.765	1.614.220.340	<b>13.471.927.105</b>
Khấu hao trong năm	1.032.927.108	911.244.294	10.669.453	1.954.840.855
Tặng khác	-	1.035.523.826	-	1.035.523.826
Thanh lý	-	(7.686.975.526)	(899.447.015)	(8.586.422.541)
Vào ngày 31/12/2021	1.032.927.108	6.117.499.359	725.442.778	<b>7.875.869.245</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2021	10.329.271.003	7.820.383.546	10.669.453	<b>18.160.324.002</b>
Vào ngày 31/12/2021	9.296.343.895	9.349.069.516	-	<b>18.645.413.411</b>

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 18.645.413.411 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.531.641.470 đồng.

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2021	2.190.109.854
Mua trong năm	-
Vào ngày 31/12/2021	<b>2.190.109.854</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2021	1.552.421.974
Khấu hao trong năm	213.260.904
Vào ngày 31/12/2021	<b>1.765.682.878</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2021	<b>637.687.880</b>
Vào ngày 31/12/2021	<b>424.426.976</b>

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 484.022.800 đồng.

AABS  
 CÔNG  
 TI  
 KIỂM  
 C V  
 CHI  
 HÀ  
 ĐINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Phương tiện vận tải VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2021	1.143.636.364
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.143.636.364)
Vào ngày 31/12/2021	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2021	940.220.792
Khấu hao trong năm	95.303.034
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.035.523.826)
Vào ngày 31/12/2021	-
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2021	<b>203.415.572</b>
Vào ngày 31/12/2021	-

**5.11 Tài sản dở dang dài hạn**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Sửa chữa xưởng tại nhà máy Ngọc Hồi	-	10.161.039.949
Dự án KCN Hà Nam	-	524.644.700
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>10.685.684.649</b>

**5.12 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước khác	67.631.681	-
<b>Tổng</b>	<b>67.631.681</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo	2.708.516.111	-
Chi phí trả trước khác	1.631.011	3.522.652
<b>Tổng</b>	<b>2.710.147.122</b>	<b>3.522.652</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2021		Giảm trong kỳ		Tăng trong kỳ		31/12/2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Vay và nợ ngắn hạn (I)</b>	<b>86.509.380.156</b>	<b>86.509.380.156</b>	<b>577.859.863.383</b>	<b>429.299.869.697</b>	<b>235.069.373.842</b>	<b>235.069.373.842</b>	<b>235.069.373.842</b>	<b>235.069.373.842</b>	
<b><u>Vay ngắn hạn</u></b>	<b>80.473.573.686</b>	<b>80.473.573.686</b>	<b>577.007.863.383</b>	<b>423.264.063.227</b>	<b>234.217.373.842</b>	<b>234.217.373.842</b>	<b>234.217.373.842</b>	<b>234.217.373.842</b>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	39.999.780.269	39.999.780.269	93.614.884.512	104.029.278.910	29.585.385.871	29.585.385.871	29.585.385.871	29.585.385.871	
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (ii)	24.999.087.180	24.999.087.180	217.375.284.806	158.279.407.083	84.094.964.903	84.094.964.903	84.094.964.903	84.094.964.903	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (iii)	-	-	598.659.600	598.659.600	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (iv)	15.474.706.237	15.474.706.237	39.969.690.809	35.464.882.307	19.979.514.739	19.979.514.739	19.979.514.739	19.979.514.739	
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (v)	-	-	30.332.800.395	20.355.443.655	9.977.356.740	9.977.356.740	9.977.356.740	9.977.356.740	
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (vi)	-	-	79.756.120.881	44.820.000.000	34.936.120.881	34.936.120.881	34.936.120.881	34.936.120.881	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vii)	-	-	115.360.422.380	59.716.391.672	55.644.030.708	55.644.030.708	55.644.030.708	55.644.030.708	
<b><u>Nợ dài hạn đến hạn trả</u></b>	<b>6.035.806.470</b>	<b>6.035.806.470</b>	<b>852.000.000</b>	<b>6.035.806.470</b>	<b>852.000.000</b>	<b>852.000.000</b>	<b>852.000.000</b>	<b>852.000.000</b>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.001.006.470	5.001.006.470	-	5.001.006.470	-	-	-	-	
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	852.000.000	852.000.000	852.000.000	852.000.000	852.000.000	852.000.000	852.000.000	852.000.000	
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ix)	182.800.000	182.800.000	-	182.800.000	-	-	-	-	
<b>b) Vay và nợ dài hạn (II)</b>	<b>2.840.000.000</b>	<b>2.840.000.000</b>	<b>-</b>	<b>852.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	
<b><u>Từ 1 đến 5 năm</u></b>	<b>2.840.000.000</b>	<b>2.840.000.000</b>	<b>=</b>	<b>852.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	<b>1.988.000.000</b>	
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga (viii)	2.840.000.000	2.840.000.000	-	852.000.000	1.988.000.000	1.988.000.000	1.988.000.000	1.988.000.000	
<b>Tổng (I+II)</b>	<b>89.349.380.156</b>	<b>89.349.380.156</b>	<b>577.859.863.383</b>	<b>430.151.869.697</b>	<b>237.057.373.842</b>	<b>237.057.373.842</b>	<b>237.057.373.842</b>	<b>237.057.373.842</b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Trong đó:

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2021/7610660/HĐTD ký vào ngày 29/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2021 là 40 tỷ đồng; từ 31/12/2021 đến 30/6/2022 là 30 tỷ đồng; từ ngày 30/6/2022 đến hết hạn hợp đồng tín dụng này là 20 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 29/10/2022. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Tài sản đảm bảo gồm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/1623476/HĐBĐ, sổ công chứng 8263, quyền số 01-2019/TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 27/9/2019 giữa Công ty TNHH Nhựa Đông Á và ngân hàng (thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, Hà Nam); Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/1623476/HĐBĐ tháng 02 năm 2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung (Thế chấp 01 Máy đùn nhựa dùng để sản xuất tấm trần thả bằng nhựa PVC); Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2019/1623476/HĐBĐ ngày 31/5/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung được ký ( thế chấp Máy nghiền Fomex).
- (ii) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - chi nhánh Cầu Giấy bao gồm 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:
  - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CGY/000046/20 ký vào ngày 30/7/2020 có giá trị hạn mức tín dụng là 75 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 15/4/2021. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài trợ cho việc nhập khẩu, mua bán và thanh toán cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm 02 bất động sản. Bất động sản 01 là quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ văn phòng tầng 9 tháp Tây, Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng, Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 730500, Sổ vào sổ cấp GCN: CS15796 do Sở Tài Nguyên và môi trường TP. Hà Nội cấp ngày 04/7/2016. Bất động sản số 02 là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 61, 154 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BB 968058, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00098 do UBND Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/05/2010.
  - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CGY/000020/21 ký vào ngày 04/03/2021 có giá trị hạn mức tín dụng là 7 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức cho đến khi Ngân hàng rà soát lại. Khoản vay được đảm bảo bởi tài khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị tối thiểu 10 tỷ đồng trong suốt thời hạn của thỏa thuận tín dụng.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số LD2014700197 ký vào ngày 26/05/2020 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Giá trị hạn mức tín dụng là 600 triệu đồng, lãi suất cho vay trong 3 tháng đầu là 11%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng biên độ 3,5%/năm. Thời hạn cho vay là 6 tháng cho từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 226/2021/HĐTD/BTL/01 ký vào ngày 16/12/2021 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Giá trị hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo. Khoản vay được đảm bảo bởi khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với số tiền 5 tỷ đồng.
- (v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay số 32DN/2021-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ký vào ngày 24/9/2021 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - chi nhánh Thăng Long - phòng giao dịch Trung yên. Giá trị hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi 03 máy đùn nhựa để sản xuất tấm tu nhựa PVC; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, phương tiện vận tải dưới 09 chỗ thuộc sở hữu hợp pháp; Tài sản hình thành trong tương lai/hình thành từ vốn vay bao gồm không giới hạn: Hàng hóa, các khoản phải thu, quyền đòi nợ...



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- (vi) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số VN121000928-001 ký vào ngày 28/1/2021 và phụ lục hợp đồng số VN121000928-001-PL01 ký ngày 04/02/2021 của Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Giá trị hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/01/2022. Khoản vay được đảm bảo bởi tài khoản tiền gửi tại ngân hàng với số tiền 1,6 tỷ đồng. TS thế chấp bao gồm: máy nghiền bột nhựa để sản xuất tấm Fomex, dây chuyền sản xuất tấm ốp trần bằng nhựa, dây chuyền sản xuất trần PVC mô hình SJZ65/138 và máy móc thiết bị nhà máy 2 (hệ thống máy thí nghiệm) theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 101-2021-02-HDTC/DN/006 ngày 04/02/2021.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 140421-1186228-01-SME ký vào ngày 28/4/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Hà Nội. Giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng trong đó hạn mức thấy chi là 5 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, tính từ ngày 28/4/2021. Khoản vay được thế chấp bằng Toàn bộ công trình trên đất tại địa chỉ: lô 1 - Cụm CN Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ493935, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số quản lý: CQ-535, kèm theo Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 25/10/2006 đứng tên Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á; Thế chấp bằng lô hàng thuộc quyền sở hữu của khách hàng hình thành từ L/C mở tại ngân hàng.
- (viii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng số 20.TDH.01.120853/HĐTD-SGD ngày 26 tháng 04 năm 2020, với số tiền vay là 4.260.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay trong 12 tháng đầu tiên là 8%/năm, lãi suất sau đó được áp dụng theo công thức: bằng lãi suất cơ sở (+) margin tối thiểu 3,6%/năm và sẽ được điều chỉnh chính định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư 01 Xe ô tô Lexus LX570, màu đen, 8 chỗ đã qua sử dụng, sản xuất năm 2017, xuất xứ Nhật Bản. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ix) Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016 với số tiền thuê là 1.258.000.000 đồng. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn.

**Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND
<b>Năm 2021</b>			
Từ 1 năm trở xuống	184.292.867	1.492.867	182.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	<b>184.292.867</b>	<b>1.492.867</b>	<b>182.800.000</b>
<b>Năm 2020</b>			
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	217.889.979	29.417.252	188.472.727
	<b>217.889.979</b>	<b>29.417.252</b>	<b>188.472.727</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Dịch vụ đô thị Hancorp	689.914.117	689.914.117	366.081.275	366.081.275
Trần Thị Lê Hà	-	-	267.645.047	267.645.047
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	691.500.000	691.500.000	-	-
Jampoo Union Corp (Formosa +Mitsubishi)	-	-	1.858.353.840	1.858.353.840
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	-	-	2.054.993.977	2.054.993.977
Công ty TNHH Thương Mại Phú Đức	2.699.558.401	2.699.558.401	-	-
Các đối tượng khác	500.410.573	500.410.573	307.380.682	307.380.682
<b>Tổng</b>	<b>4.581.383.091</b>	<b>4.581.383.091</b>	<b>4.854.454.821</b>	<b>4.854.454.821</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	-	1.104.052.872
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Vĩnh Trường	12.599.942.037	-
Các đối tượng khác	920.272.361	-
<b>Tổng</b>	<b>13.520.214.398</b>	<b>1.104.052.872</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2021 VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	26.550.956	26.550.956	-
Thuế TNDN	590.834.649	1.719.625.462	590.834.649	1.719.625.462
Thuế TNCN	-	95.425.838	62.069.584	33.356.254
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	132.502.252	132.502.252	-
Thuế, phí khác	304.480.905	7.031.469	66.327.827	245.184.547
<b>Tổng</b>	<b>895.315.554</b>	<b>1.981.135.977</b>	<b>878.285.268</b>	<b>1.998.166.263</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	115.441.023	115.441.023	-	-
<b>Tổng</b>	<b>115.441.023</b>	<b>115.441.023</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.17 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phí dịch vụ tư vấn	200.000.000	250.000.000
Chi phí lãi vay	472.729.230	68.293.342
Chi phí thi công công trình	1.339.133.636	-
<b>Tổng</b>	<b>2.011.862.866</b>	<b>318.293.342</b>

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận trả trước về cho thuê Văn phòng	107.077.091	89.738.285
<b>Tổng</b>	<b>107.077.091</b>	<b>89.738.285</b>

**5.19 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>a) Các khoản phải trả ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	221.921.642	180.233.002
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	82.895.847	320.398.933
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.337.940.874	10.756.825.877
- <i>Trần Thị Lê Hải</i>	451.262.400	451.262.400
- <i>Cổ tức phải trả</i>	711.352.825	711.352.825
- <i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH</i>	-	6.301.147.650
- <i>Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam</i>	641.250.000	641.250.000
- <i>Các đối tượng khác</i>	534.075.649	2.651.813.002
<b>Tổng</b>	<b>2.642.758.363</b>	<b>11.257.457.812</b>
<b>b) Các khoản phải trả dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	109.686.000	30.000.000
<b>Tổng</b>	<b>109.686.000</b>	<b>30.000.000</b>

c) Các khoản phải trả, phải nộp khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
 Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(12.930.000)</b>	<b>52.432.874.837</b>	<b>578.362.716.276</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	53.298.044.134	53.298.044.134
Trích lập các quỹ	-	-	-	(15.446.017.540)	(15.446.017.540)
<b>Số dư 01/01/2021</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(12.930.000)</b>	<b>90.284.901.431</b>	<b>616.214.742.870</b>
Tăng vốn trong năm	77.690.270.000	-	(6.910.000)	-	77.683.360.000
Lãi trong năm	-	-	-	7.445.769.886	7.445.769.886
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(12.162.162.265)	(12.162.162.265)
Chia lợi nhuận	-	-	-	(78.266.360.000)	(78.266.360.000)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>595.641.120.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(19.840.000)</b>	<b>7.302.149.052</b>	<b>610.915.350.491</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2021.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 595.641.120.000 đồng, chia thành 59.564.112 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2021 như sau:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	127.199.940.000	21,36%	110.608.650.000	21,36%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	160.181.790.000	26,89%	139.288.520.000	26,89%
Các cổ đông khác	308.259.390.000	51,75%	268.053.680.000	51,75%
<b>Tổng</b>	<b>595.641.120.000</b>	<b>100%</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	517.950.850.000	517.950.850.000
+ Vốn góp tăng trong năm	77.690.270.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	595.641.120.000	517.950.850.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.266.360.000	-

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.564.112	51.795.085
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.564.112	51.795.085
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	59.564.112	51.795.085
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.984	1.293
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.984	1.293
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.562.128	51.793.792
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	59.562.128	51.793.792
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>01/01/2021</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>31/12/2021</b>
	VND	VND	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển (*)	21.018.849.967	4.864.864.906	-	25.883.714.873
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	13.898.482.589	4.864.864.906	-	18.763.347.495
<b>Tổng</b>	<b>34.917.332.556</b>	<b>9.729.729.812</b>	<b>-</b>	<b>44.647.062.368</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2021. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân bổ như sau:

Trích 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính, Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng quỹ đảm bảo các mục tiêu của Tập đoàn. Công ty đang theo dõi trên Quỹ đầu tư và phát triển.

Trích 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Công ty đang theo dõi trên Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	104,7	654,89

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	465.282.532.347	194.663.590.848
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	4.198.224.543	4.912.928.791
Doanh thu cho thuê văn phòng	869.483.873	590.946.340
<b>Tổng</b>	<u><b>470.350.240.763</b></u>	<u><b>200.167.465.979</b></u>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Giá vốn hàng bán	437.247.256.312	173.280.117.698
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	4.198.224.542	4.912.928.791
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	206.869.859	-
<b>Tổng</b>	<u><b>441.652.350.713</b></u>	<u><b>178.193.046.489</b></u>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	648.881.489	170.418.016
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.049.520	2.704.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.012.396.698	51.461.094.910
<b>Tổng</b>	<u><b>7.668.327.707</b></u>	<u><b>51.634.216.926</b></u>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Lãi tiền vay	13.807.719.518	6.672.149.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.965.388	50.106.809
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.490	6.814.231
<b>Tổng</b>	<u><b>13.811.719.396</b></u>	<u><b>6.729.070.488</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

<b>6.5 Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Thu phạt nhân viên	39.598.000	18.800.000
Thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	5.226.803	78.806.763
<b>Tổng</b>	<b>44.824.803</b>	<b>97.606.763</b>
<b>6.6 Chi phí khác</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	217.222.457	3.331.483.683
Xử lý công nợ	63.035.968	-
Các khoản chi phí khác.	173.783.515	513.182.201
<b>Tổng</b>	<b>454.041.940</b>	<b>3.844.665.884</b>
<b>6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>9.236.908.584</b>	<b>3.318.613.344</b>
Chi phí nhân viên	4.462.013.751	1.438.430.148
Chi phí khấu hao	1.953.165.712	966.338.363
Các khoản chi phí QLDN khác.	2.821.729.121	913.844.833
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>3.742.977.292</b>	<b>5.692.331.649</b>
Chi phí nhân viên	2.286.405.816	4.704.351.300
Chi phí khấu hao	310.239.081	310.239.084
Các khoản chi phí bán hàng khác.	1.146.332.395	677.741.265
<b>6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	6.748.419.567	6.142.781.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.263.404.793	1.276.577.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.499.545	540.858.585
Chi phí khác	3.662.561.971	1.050.727.513
<b>Tổng</b>	<b>12.979.885.876</b>	<b>9.010.944.993</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

#### Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

#### Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.719.625.462	682.318.490
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	141.199.190
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.719.625.462</b>	<b>823.517.680</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 6.10 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	77.683.360.000	-
Góp vốn vào công ty con bằng hàng tồn kho	100.055.729.202	-
Góp vốn vào công ty con bằng công nợ	107.147.522.134	-

### 7.2 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	577.007.863.383	236.459.956.258

### 7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	429.117.069.697	213.388.480.970
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	147.800.000	188.472.727
<b>Tổng</b>	<b>429.264.869.697</b>	<b>213.576.953.697</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	583.000.000	583.000.000
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	790.857.227	431.297.904
<b>Cộng</b>	<b>1.373.857.227</b>	<b>1.014.297.904</b>

**8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty / đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Giao dịch</b>	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát</b>	Bán hàng	19.484.461.236	52.764.110.550
<b>Công ty TNHH Nhựa Đông Á</b>	Mua hàng	-	3.251.068.440
	Bán hàng	-	9.240.271.845
	Cho vay	250.790.202.069	149.171.993.200
	Thu tiền cho vay	223.224.413.503	87.336.567.200
	Góp vốn	155.670.000.000	-
<b>Công ty TNHH Smart Window Việt Nam</b>	Mua hàng	2.859.090.908	4.912.928.791
	Bán hàng	1.300.517.400	2.719.347.716
	Góp vốn	32.000.000.000	-
	Cho vay	5.000.000	-
	Thu tiền cho vay	15.872.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á</b>	Bán hàng	310.222.500	-
	Góp vốn	19.533.251.336	-
	Cho vay	3.502.500.000	-
	Thu tiền cho vay	16.694.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Ông Nguyễn Bá Hùng</b>	Mượn tiền	-	10.240.500.000
	Trả tiền mượn	-	24.469.238.000
	Cho mượn	-	108.114.400
<b>Ông Bùi Thẩm Châu</b>	Cho mượn	25.000.000.000	-
	Trả tiền mượn	25.000.000.000	-

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát</b>		
- Phải thu thương mại	-	25.827.575.497
- Người mua trả tiền trước	11.000.000	-
<b>Công ty TNHH Nhựa Đông Á</b>		
- Phải thu ngắn hạn khác	6.796.351.510	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.828.069.187	-
- Phải thu về cho vay dài hạn	61.864.447.666	61.835.426.000
<b>Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á</b>		
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	33.269.400.308
<b>Công ty TNHH Smart Window Việt Nam</b>		
- Phải thu khách hàng	-	311.282.488
- Phải thu ngắn hạn khác	147.395.419	162.375.042.579
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	106.722.328.206	162.375.042.579
- Phải trả người bán	691.500.000	-
<b>Ông Nguyễn Bá Hùng</b>		
- Phải thu ngắn hạn khác	-	108.114.400
<b>Bà Trần Thị Lê Hải</b>		
- Phải trả ngắn hạn khác	451.262.400	451.262.400

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Thông tin về bộ phận được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2022 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty. Số lượng cổ phiếu dự bán chào bán tối đa là 29.782.056 cổ phiếu tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá là 297.820.560.000 đồng. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán là 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán. Tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 (nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 02 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống hàng đơn vị). Đối tượng chào bán là cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 17/01/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc thông qua việc góp vốn vào công ty con - Công ty TNHH Smart Window Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Smart Window Việt Nam sau khi góp vốn là 136 tỷ đồng, hình thức góp vốn bằng tài sản.

Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 17/01/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc thông qua việc điều chỉnh góp vốn vào công ty con - Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á. Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á sau khi điều chỉnh giảm là 68 tỷ đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**10. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Năm 2020 đã được kiểm toán. Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại do điều chỉnh hồi tố:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trên BCTC 31/12/2020 đã kiểm toán	Số trình bày lại	Số Tăng/Giảm
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	195.644.442.887	195.644.442.887
Phải thu ngắn hạn khác	136	197.013.232.529	1.368.789.642	(195.644.442.887)

**NGUYỄN THỊ MAI HỒNG**  
Người lập biểu

**ĐỖ THỊ THANH THÙY**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN BÁ HÙNG**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Số: 46/DAG-QHCD

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC riêng và  
hợp nhất năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh,

Tên công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Mã chứng khóa: DAG

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1-CN5-Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3793 8686 Fax: 024 3793 8181

Người đại diện: Ông Nguyễn Bá Hùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức quy định giải trình cụ thể đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% với cùng kỳ năm trước

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (DAG) năm 2021 lập ngày 29/03/2022; Báo cáo tài chính Quý 4.2021 lập ngày 26/02/2022 và Báo cáo

1. Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (DAG) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN BCTC năm 2021 trước và sau kiểm toán như sau:

### 1.1 Báo cáo tài chính riêng:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (Số sau kiểm toán)	Năm 2021 (Số trước kiểm toán)	Tỷ lệ +/- %
1	Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	470,350,240,763	470,350,240,763	0%
2	Chi phí giá vốn hàng bán	441,652,350,713	441,445,480,854	+0.05%
3	Chi phí bán hàng và QLDN	12,979,885,876	13,261,743,250	-1.02%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7,445,769,886	7,060,364,708	+5.2%

Lợi nhuận sau thuế TNDN công ty mẹ năm 2021 sau kiểm toán tăng 5.2% tương đương 385,405,178 đồng so với số liệu trước kiểm toán: là do Công ty điều chỉnh tăng lãi dự thu 411.603.287 và điều chỉnh tăng chi phí chi phí quản lý và chi phí thuế tương ứng.

### 1.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:



W

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (Số sau kiểm toán)	Năm 2021 (Số trước kiểm toán)	Tỷ lệ +/- %
1	Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	1,953,961,275,156	1,954,159,285,503	- 1%
2	Chi phí giá vốn hàng bán	1,847,973,443,425	1,842,054,081,870	+ 0.4%
3	Chi phí bán hàng và QLDN	33,085,523,367	34,957,908,848	- 1.06%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5,929,066,162	8,593,143,108	-31%

Lợi nhuận sau thuế TNDN Hợp nhất năm 2021 sau kiểm toán giảm 31% (tương đương 2,664,076,946 đồng) so với trước kiểm toán do:

- + Điều chỉnh tăng doanh thu khác (doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác): 1.909.524.686 tỷ do ghi nhận bổ sung lãi dự thu từ các hợp đồng gửi tiết kiệm
  - + Đồng thời ghi nhận tăng chi phí giá vốn và chi phí quản lý 4.074.614.028 đồng.
  - + Các khoản điều chỉnh khác làm giảm lợi nhuận sau thuế: 498.987.604 đồng
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (DAG) giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh trên Báo cáo kiểm toán năm 2021 với năm 2020 như sau:

### 2.1 Báo cáo tài chính riêng:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ +/- %
1	Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	470,350,240,763	200,167,465,979	+235%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7,668,327,707	51,634,216,926	-86%
3	Chi phí giá vốn hàng bán	441,652,350,713	178,193,046,489	+248%
4	Chi phí bán hàng và QLDN	12,979,885,876	9,010,944,993	+144%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7,445,769,886	53,298,044,134	-140%

+ Doanh thu năm 2021 cao hơn so với cùng kỳ năm 2020 do năm nay Công ty đã tăng cường bán hàng, thúc đẩy doanh số và mở rộng khách hàng sau giãn cách vì dịch Covid. Ngoài ra, Công ty cũng mở rộng một số sản phẩm có nhu cầu cao và đáp ứng thị hiếu của thị trường. Cụ thể : Doanh thu năm 2021 tăng 270,182,774,784đ tương đương tăng 235% so với mức doanh thu đạt được năm 2020.

+ Chi phí giá vốn tăng 263.459.304.224 đồng, tương ứng 248% là mức tăng cao hơn tăng doanh thu. Nguyên nhân do giá nguyên vật liệu và chi phí vận chuyển tăng cao.

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 86% tương ứng 43.965.889.219 đồng do lợi nhuận các công ty con chuyển về giảm.

9228  
CÔNG TY  
PHẦN  
ĐOÀN  
ĐÔNG  
HÀ NỘI - TP.



+ Tổng hợp các nguyên nhân trên, Lợi nhuận sau thuế TNDN công ty mẹ năm 2021 giảm 86% (tương đương 45,852,274,248) đồng) so với cùng kỳ năm trước.

## 2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ +/-%
1	Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	1,953,961,275,156	1,756,945,906,226	+11%
2	Chi phí giá vốn hàng bán	1,847,973,443,425	1,643,116,749,024	+12%
3	Hoạt động tài chính	59,908,019,939	55,710,286,788	+8%
4	Chi phí bán hàng và QLDN	33,085,523,367	37,478,717,578	-12%
5	Lợi nhuận khác	(812,406,098)	(4.192.178.168)	-81%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5,929,066,162	9,769,931,412	-40%

Năm 2021 do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh covid ở toàn thế giới dẫn đến chi phí giá cả các mặt hàng và dịch vụ đều tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 11% tương đương 197,015,368,930 đồng Công ty chủ động được sản xuất và tăng cường năng lực bán hàng. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán tăng +12%, tương ứng 204.856.694.401 đồng do giá nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển, chi phí phát sinh do dịch bệnh tăng cao làm lợi nhuận gộp giảm 7.841.325.471 đồng

+ Chi phí Hoạt động tài chính tăng 4.197.733.151 đồng do tăng vay phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Công ty chủ động tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nên các chi phí này giảm so với cùng kỳ 4.393.194.211 đồng

+ Lợi nhuận khác tăng 3,379,772,070 đồng từ chênh lệch tỷ giá và hoạt động thanh lý các tài sản.

+ Tổng hợp các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất năm 2021 giảm so với năm 2020 là 3.840.865.250 tương đương 40%.

Trên đây là Giải trình của DAG báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về sự chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021.

Trân trọng!

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Bá Hùng**